|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TÀI CHÍNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2025/TT-BTC | *Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |

**Dự thảo**

**THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2022/TT-BTC**

**ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định chi tiết một số**

**điều của Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định về lệ phí trước bạ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ (sửa đổi) ngày 18 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định về lệ phí trước bạ;* ***Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định về lệ phí trước bạ;***

*Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát chính sách thuế, phí và lệ phí;*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2022 quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định về lệ phí trước bạ.*

**Điều 1.** **Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2022****quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định về lệ phí trước bạ**

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 3 như sau:

a) Ô tô, xe máy (trừ xe ô tô chuyên dùng, xe máy chuyên dùng): giá tính lệ phí trước bạ là giá tại Quyết định về Bảng giá tính lệ phí trước bạ do ***Ủy ban nhân dân cấp tỉnh*** ban hànhtheo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 10/2022/NĐ-CP (sau đây gọi là Bảng giá).

- Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với ô tô, xe máy mới theo kiểu loại xe (trừ xe tải, xe khách), trong đó kiểu loại xe được xác định theo các chỉ tiêu loại phương tiện, nhãn hiệu, kiểu loại xe [số loại hoặc tên thương mại hoặc mã kiểu loại (nếu không có Tên thương mại); tên thương mại và mã kiểu loại (nếu có) đối với ô tô], thể tích làm việc hoặc công suất động cơ, số người cho phép chở (kể cả lái xe), nguồn gốc sản xuất của ô tô, xe máy trên Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường hoặc Thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường hoặc Giấy chứng nhận chất lượng kiểu loại do cơ quan đăng kiểm Việt Nam cấp hoặc Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng dùng cho xe cơ giới ***hoặc các giấy tờ, văn bản của cơ quan có thẩm quyền thể hiện đầy đủ các chỉ tiêu của kiểu loại xe trên Bảng giá***. Đơn vị tính trong chỉ tiêu thể tích làm việc được quy đổi làm tròn đến một chữ số thập phân như sau: ≥ 5 làm tròn lên, < 5 làm tròn xuống.

Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với xe tải theo các chỉ tiêu: nước sản xuất, nhãn hiệu, khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông; đối với xe khách theo các chỉ tiêu: nước sản xuất, nhãn hiệu, số người cho phép chờ kể cả lái xe.

***Cơ quan thuế cấp tỉnh*** thực hiện, tổ chức thực hiện cập nhật, tổng hợp các cơ sở dữ liệu giá chuyển nhượng trên thị trường, giá tính lệ phí trước bạ đối với ô tô, xe máy; chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát cơ sở dữ liệu giá, xây dựng và trình ***Ủy ban nhân dân cấp tỉnh*** ban hành Bảng giá tính lệ phí trước bạ, Bảng giá tính lệ phí trước bạ điều chỉnh, bổ sung đối với ô tô, xe máy theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 7 Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ***(được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Nghị định số /2025/NĐ-CP)***.

- Trường hợp phát sinh loại ô tô, xe máy mới mà tại thời điểm nộp tờ khai lệ phí trước bạ chưa có trong Bảng giá thì ***Cơ quan thuế cấp tỉnh*** căn cứ vào cơ sở dữ liệu quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 10/2022/NĐ-CP để quyết định giá tính lệ phí trước bạ của từng loại ô tô, xe máy mới phát sinh theo điểm b khoản 3 Điều 7 Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ***(được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Nghị định số /2025/NĐ-CP)***. ***Cơ quan thuế cấp tỉnh*** thông báo cho các Thuế ***cơ sở*** giá tính lệ phí trước bạ áp dụng thống nhất trên địa bàn trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày ***Đội*** Thuế tiếp nhận hồ sơ khai lệ phí trước bạ hợp lệ.

Ô tô, xe máy chưa có trong Bảng giá là ô tô, xe máy có một trong các chỉ tiêu quy định tại điểm này không trùng với các chỉ tiêu có trong Bảng giá.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 4 như sau:

“1. Xe máy áp dụng mức thu quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ***(được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Nghị định số /2025/NĐ-CP)***.

2. Ô tô, rơ moóc**,** sơ mi rơ moóc, ***xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe máy chuyên dùng,*** xe tương tự ***các loại xe*** ***này*** ***theo quy định pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ***: áp dụng mức thu quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ***(được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Nghị định số /2025/NĐ-CP)***.

a) Căn cứ vào loại phương tiện, khối lượng chuyên chở ***và số người cho phép chở*** ghi tại giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường hoặc giấy chứng nhận kiểm định do đơn vị đăng kiểm Việt Nam cấp ***hoặc các thông tin khác của cơ quan có thẩm quyền xác định***, cơ quan thuế xác định mức thu lệ phí trước bạ đối với ô tô, rơ moóc**,** sơ mi rơ moóc, ***xe chở người bốn bánh có gắn động cơ,*** ***xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe máy chuyên dùng,*** xe tương tự ***các loại xe*** ***này*** theo quy định tại khoản này.

b) Cơ quan thuế xác định mức thu lệ phí trước bạ xe ô tô trên cơ sở:

- Số ***người cho phép chở*** được xác định theo thiết kế của nhà sản xuất ***hoặc theo xác định của cơ quan có thẩm quyền***.

- Khối lượng chuyên chở được xác định theo khoản a Điều này.

- Loại xe được xác định như sau:

+ Đối với xe nhập khẩu: Căn cứ vào xác định của đơn vị đăng kiểm ghi tại mục “Loại phương tiện” của giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu hoặc Thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới nhập khẩu hoặc giấy chứng nhận kiểm định do đơn vị đăng kiểm Việt Nam cấp ***hoặc các thông tin khác của cơ quan có thẩm quyền xác định***;

+ Đối với xe sản xuất, lắp ráp trong nước: Căn cứ vào mục “Loại phương tiện” ghi tại giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường ô tô sản xuất, lắp ráp hoặc Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng dùng cho xe cơ giới hoặc giấy chứng nhận kiểm định ***hoặc các thông tin khác của cơ quan có thẩm quyền xác định***.”

3. Sửa đổi, bổ sung một số khoản, điểm Điều 5 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5 như sau:

“2. Nhà, đất sử dụng vào mục đích cộng đồng của các tổ chức tôn giáo, cơ sở tín ngưỡng được miễn lệ phí trước bạ theo quy định tại khoản 8 Điều 10 Nghị định số 10/2022/NĐ-CP là nhà trên đất theo quy định tại Điều ***212***, Điều ***213*** Luật Đất đai được Nhà nước công nhận hoặc được phép hoạt động, bao gồm:

a) Đất có công trình ***xây dựng cơ sở tôn giáo, trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc và công trình tôn giáo hợp pháp khác***;

b) Đất có công trình là đình, đền, miếu, am, ***nhà thờ họ.***”

b) Sửa đổi, bổ sung tiêu đề khoản 9 và điểm a khoản 9 Điều 5 như sau:

“9. Nhà ở, đất ở của hộ nghèo; nhà ở, đất ở***của hộ gia đình, cá nhân******thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn******theo quy định của pháp luật về đầu tư*** được miễn nộp lệ phí trước bạ theo quy định tại khoản 26 Điều 10 Nghị định số 10/2022/NĐ-CP. Trong đó:

a) Hộ nghèo là hộ gia đình mà tại thời điểm kê khai, nộp lệ phí trước bạ có giấy chứng nhận là hộ nghèo do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc được Ủy ban nhân dân xã, phường, ***đặc khu tại hải đảo*** nơi cư trú xác nhận là hộ nghèo theo quy định về chuẩn nghèo của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành.”.

**Điều 2. Bãi bỏ, thay thế một số quy định của Thông tư số 13/2022/TT-BTC** ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định chi tiết Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định về lệ phí trước bạ

a) Bãi bỏ nội dung “- Trường hợp giá đất tại hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất cao hơn giá do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành thì giá tính lệ phí trước bạ đối với đất là giá tại hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất. Trường hợp giá đất tại hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất thấp hơn giá do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành thì giá tính lệ phí trước bạ đối với đất là giá do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định của pháp luật về đất đai tại thời điểm kê khai lệ phí trước bạ.” tại điểm a khoản 1 Điều 3.

b) Thay thế cụm từ “Tổng cục Thuế” bằng “Cục Thuế” và “cơ quan tài nguyên môi trường” bằng “cơ quan nông nghiệp và môi trường” tại khoản 3 Điều 6.

**Điều 3. Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản liên quan nêu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận****:*  - Ban Bí thư Trung ương Đảng;  - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;  - Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;  - Văn phòng Tổng Bí thư;  - Văn phòng Quốc hội;  - Hội đồng Dân tộc;  - Ủy ban Kinh tế và Tài chính;  - Văn phòng Chủ tịch nước;  - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;  - Toà án nhân dân tối cao;  - Kiểm toán Nhà nước;  - Cơ quan trung ương của các Hội, Đoàn thể;  - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;  - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;  - Sở Tài chính, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;  - Thuế cơ sở, KBNN các khu vực;  - Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp;  - Công báo;  - Cổng thông tin điện tử Chính phủ;  - Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính;  - Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;  - Lưu: VT, Cục CST ( b). | **KT. BỘ TRƯỞNG** |
| **THỨ TRƯỞNG** |
| **Cao Anh Tuấn** |